

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2021

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Quyên

2. Bà Hoàng Thị Lan Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 610/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 18/54/69/131 đường P, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 18/54/69/131 đường P, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI D V U Á N:

Về quan hệ hôn nhân:

- Trong đơn xin ly hôn và các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V trình bày: Chị V và anh B sau thời gian tìm hiểu được khoảng 03 năm thì tự nguyện đi đến hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 17/5/2004. Kể từ khi mới kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã

không hạnh phúc, anh B hay rượu chè, mỗi lần đi uống rượu về là phá phách đồ đạc trong nhà, đánh chị V nhưng chị vẫn cố chịu đựng; tính tình của vợ chồng cũng không hợp nhau nên hay xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2017 và chị V cũng đã hai lần nộp đơn lên tòa án xin ly hôn anh B. Nhưng được Tòa án hòa giải và vì thương con nên sau đó chị V đã rút lại đơn. Hơn 03 năm nay, mặc dù vợ chồng sống chung trong một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, mỗi người đều có một cuộc sống riêng của mình. Nay tình cảm của chị đối với anh B không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, đã quá trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không đạt nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn B.

- Phía bị đơn – anh Vũ Văn B: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã nhiều lần triệu tập anh B đến làm việc nhưng anh B không đến làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã đưa vụ án ra xét xử.

Về con chung: Chị V trình bày, chị và anh B có 02 người con chung là cháu Vũ A, sinh ngày 03/01/2004 và cháu Vũ Thị Thanh D, sinh ngày 29/4/2009. Nếu ly hôn, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Anh và D đến khi trưởng thành. Chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội D vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Thu V được ly hôn anh Vũ Văn B.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu V và anh Vũ Văn B có 02 con chung là cháu Vũ A, sinh ngày 03/01/2004 và cháu Vũ Thị Thanh D, sinh ngày 29/4/2009. Giao cả hai cháu Anh và D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị V khai không có nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị V khai không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc xin ly hôn và nuôi con chung, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Vũ Văn B hiện cư trú tại 18/54/69/131 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị V, anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu V và anh Vũ Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và chị V đã 02 lần xin ly hôn anh B nhưng vì thương con nên chị đã rút đơn xin ly hôn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 338/2019/QĐST-HNGĐ và 285/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2018). Tuy vậy, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng sáu đó cũng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm của chị đối với anh B hiện nay cũng không còn nên chị V lại tiếp tục làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn B. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của chị V, anh B đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị V là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu V và anh Vũ Văn B có 02 con chung là cháu Vũ A, sinh ngày 03/01/2004 và cháu Vũ Thị Thanh D, sinh ngày 29/4/2009. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị V, anh B. Xét thấy, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, các cháu Anh và Dũng cũng có đơn trình bày nguyện vọng là muốn ở với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn; anh Vũ Văn B không đến làm việc và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không biết ý kiến của anh B như thế nào về việc nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu thì cần giao các cháu cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Vũ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ về tài sản: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu V được ly hôn với anh Vũ Văn B.

2. Về con chung: Giao hai cháu Vũ A, sinh ngày 03/01/2004 và Vũ Thị Thanh D, sinh ngày 29/4/2009 cho chị Nguyễn Thị Thu V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Vũ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nghĩa vụ về tài sản: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002080 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phước Vĩnh, TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng